

## **BÀI 2: GỖ CỬA TRÁI TIM**

Môn: Ngữ văn 6 ; Số tiết: 12 tiết (Từ tiết 17 đến tiết 28)

### **MỤC TIÊU CHUNG**

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.
- Nhận biết được ẩn dụ và hiểu tác dụng của việc sử dụng ẩn dụ.
- Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.
- Nhân ái, yêu gia đình, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.

**TUẦN: 05**

**TIẾT PPCT: 17, 18, 19**

### **ĐỌC VĂN BẢN** **CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI**

*(Xuân Quỳnh)*

#### **I. Mục tiêu**

##### **1. Năng lực**

##### **1.1. Năng lực đặc thù**

- Xác định được chủ đề của bài thơ. Nhận biết được số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, vần của bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*.
- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.
- Nhận biết được một số yếu tố của thơ (thể thơ, số tiếng, ngắt nhịp, vần, biện pháp tu từ...). Phân tích được đặc điểm của thơ, nhân vật trữ tình, tình cảm cảm xúc thông điệp trong bài thơ.
- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*.
- Thu thập được thông tin liên quan đến văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*.
- Trình bày được những suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản. Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

**1.2. Năng lực chung** (Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo): Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của HS biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc.

**2. Phẩm chất:** Nhân ái, sẻ chia, cảm nhận được những giá trị nhân bản của tình yêu thương, có ý thức vun đắp hạnh phúc gia đình, trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình.

## II. Thiết bị dạy học và học liệu

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, phiếu bài tập; các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến bài học.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Sách giáo khoa, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

## III. Tiến trình dạy học

### 1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế khám phá kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp gợi mở vấn đề, phương pháp đàm thoại.

**c. Sản phẩm:** Những trao đổi, chia sẻ giữa học sinh với HS và học sinh với giáo viên.

### d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b>  <b>GV:</b> Em hãy nêu tên một truyện kể về nguồn gốc loài người mà em biết. Trong truyện kể đó sự ra đời của loài người có điều gì kỳ lạ?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b>            GV cho HS suy nghĩ khoảng 2 -&gt; 3 phút.            GV sử dụng phương pháp đàm thoại (1-1), gợi mở, nêu vấn đề.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b>            GV gọi 1 -&gt;3 học sinh trả lời câu hỏi.            GV gọi học sinh khác nhận xét, bổ sung cho câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4. Kết luận, nhận định</b>            GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương câu trả lời sáng tạo của HS và chốt kiến thức.            GV dẫn dắt vào bài học mới.</p> <p style="text-align: center;"><i>(GV ghi tên bài học lên bảng)</i></p>	<p>→ Ví dụ: <i>Lạc Long Quân – Âu Cơ (Con rồng cháu tiên), Bàn Cổ khai thiên lập địa và Nữ Oa sáng tạo con người ...</i></p> <p><b>Giới thiệu bài mới:</b> Chúng ta ai cũng được cha mẹ sinh ra. Cha mẹ chúng ta cũng thế, đều được ông bà của ta sinh ra. Đến lượt ông bà và bậc tổ tiên của ta cũng đều như vậy. Con người từ đời này sang đời khác tạo thành những dòng chảy, truyền thống. Vì thế, chúng ta phải biết được về nguồn cội của bản thân mình. Mình là ai, mình từ đâu đến, mình được sinh ra từ đâu, v.v... Lý giải những câu hỏi đó bằng con mắt thơ ca, nữ thi sĩ Xuân Quỳnh đã viết nên bài thơ <i>Chuyện cổ tích về loài người</i>. Hôm nay thầy/cô và các em sẽ cùng nhau tìm hiểu về nguồn gốc của loài người qua văn bản thơ này nhé.</p>

### 2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

#### Hoạt động 1: Đọc tiếp xúc văn bản

**a. Mục tiêu:** Học sinh đọc được văn bản và nắm được những thông tin về tác giả Xuân Quỳnh và bài thơ Chuyện cô tích về loài người.

**b. Nội dung:** Giáo viên sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, đàm thoại, cặp đôi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và trả lời câu hỏi. Giáo viên sử dụng phiếu học tập, Rubic để đánh giá kết quả học tập.

**d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Nhiệm vụ 1</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV hướng dẫn HS cách đọc diễn cảm, đọc lưu loát, giọng kể chậm để suy ngẫm về thế giới của trẻ em. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó yêu cầu HS thay nhau đọc thành tiếng từng đoạn cho đến hết văn bản.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> GV đọc mẫu thành tiếng 1 đoạn, sau đó gọi 1 -&gt; 2 HS đọc hết văn bản.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b> GV đọc mẫu đoạn 1, HS đọc phần còn lại của văn bản. GV gọi 1 -&gt;2 HS nhận xét giọng đọc của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b> GV nhận xét, bổ sung phần đọc của HS.</p> <p><b>Nhiệm vụ 2</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV cho HS đọc phần giới thiệu về tác giả Xuân Quỳnh (<i>SGK trang 43</i>) GV1: Em hãy nêu hiểu biết của mình về tác giả Xuân Quỳnh?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> GV gọi 1 HS đọc phần giới thiệu tác giả Xuân Quỳnh. GV cho HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi 1. GV sử dụng phương pháp đàm thoại, gợi mở vấn đề.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b> GV gọi 2 -&gt; 3 HS trả lời về tác giả Xuân Quỳnh. GV gọi 1 -&gt; 2 HS bất kỳ nhận xét, bổ sung cho câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b></p>	<p><b>I. Đọc tiếp xúc văn bản</b></p> <p><b>1. Đọc văn bản</b></p>          <p><b>2. Tác giả, tác phẩm</b></p>     <p>→Xuân Quỳnh họ tên đầy đủ là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh (1942 – 1988). - Quê quán: La Khê – Hà Đông – Hà</p>

<p>GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (<i>HS có thể tìm ý để ghi nội dung cơ bản vào vở viết</i>).</p> <p><b>Nhiệm vụ 3</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV2: Em hãy cho biết xuất xứ Chuyện cổ tích về loài người là gì?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> GV cho HS thảo luận theo cặp đôi để trả lời câu hỏi (theo bàn học). Thời gian khoảng 1 -&gt; 2 phút</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b> GV gọi 2 -&gt; 3 HS trả lời về xuất xứ bài thơ. GV gọi 1 -&gt; 2 HS bất kì nhận xét, bổ sung cho câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b> GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (<i>HS có thể tìm ý để ghi nội dung cơ bản vào vở viết</i>).</p>	<p>Tây, nay là Hà Nội.</p> <p>→ <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> là bài thơ được rút ra từ tập thơ <i>Lời ru trên mặt đất</i>, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1978, tr. 49 – 52.</p>
--	--

## Hoạt động 2: Đọc chi tiết văn bản

### a. Mục tiêu

- Xác định được chủ đề của bài thơ. Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng của thể loại Thơ thông qua bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*: Số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, thể thơ, vần, ngôn ngữ; nội dung; yếu tố miêu tả, tự sự trong bài thơ.

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.

**b. Nội dung:** Giáo viên sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, đàm thoại, trực quan, khăn trải bàn, sơ đồ tư duy.

**c. Sản phẩm học tập:** GV sử dụng bảng kiểm để đánh giá bài thơ, HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

### d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV& HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Nhiệm vụ 1</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV1: Nhân vật chính trong văn bản là ai? GV2: Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì? Có kết hợp với yếu tố tự sự và miêu tả không? GV3: Em hãy cho biết bài thơ có thể được chia làm mấy phần? Nội dung của mỗi phần là</p>	<p><b>II. Đọc chi tiết văn bản</b></p> <p><b>1. Đọc hiểu hình thức</b></p>

gi?

### **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

Câu hỏi 1, 2 GV cho HS làm việc cá nhân (thời gian khoảng 1 -> 2 phút)

GV cho HS thảo luận nhóm câu hỏi 3, chia lớp làm 6 nhóm (Thời gian khoảng 3 -> 4 phút)

GV sử dụng phương pháp đàm thoại, gợi mở, nêu vấn đề.

### **Bước 3: Báo cáo thảo luận**

GV gọi 2 -> 3 HS trả lời nhanh cho câu 1, 2

GV gọi học sinh khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

GV gọi 1 -> 3 HS đại diện cho nhóm 1, 3, 5 lên trả lời cho câu 3.

GV gọi 1 -> 3 HS đại diện cho nhóm 2, 4, 6 nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.

### **Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

GV ghi nội dung chính lên bảng. *(HS có thể tìm ý để ghi nội dung cơ bản vào vở viết).*

### **Nhiệm vụ 2**

#### **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV1:** Thế giới trước khi có trẻ con ra đời như thế nào?

**GV2:** Sau khi có sự xuất hiện của trẻ em đã thay đổi. Em hãy nêu lên những sự thay đổi đó? Và sự thay đổi đó có ý nghĩa gì?

#### **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV chia lớp làm 6 nhóm cho HS thảo luận (thời gian khoảng 7 -> 8 phút).

Nhóm 1, 3, 4: Trả lời câu hỏi 1

Nhóm 2, 5, 6: Trả lời câu hỏi 2

GV phát phiếu học tập cho các nhóm trả lời

→ Nhân vật chính: trẻ em

→ Phương thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp yếu tố tự sự và miêu tả.

### **2. Bố cục văn bản**

→ Bố cục: 2 phần

+ Phần 1: Khổ thơ 1 (Thế giới trước khi trẻ con ra đời)

+ Phần 2: Còn lại (Thế giới sau khi trẻ con ra đời)

Khổ thơ 2: Những thay đổi về thiên nhiên đầu tiên khi trẻ con sinh ra.

Khổ thơ 3: Sự xuất hiện của mẹ để cho trẻ tình yêu và lời ru.

Khổ thơ 4: Sự xuất hiện của bà để kể cho trẻ nghe những câu chuyện cổ

Khổ thơ 5: Sự xuất hiện của bố và tình yêu thương của bố để cho trẻ có nhận thức về thế giới

Khổ thơ 6: Sự xuất hiện của trường lớp và thầy giáo để cho trẻ được đi học và có kiến thức.

### **3. Đọc hiểu nội dung**

#### **a. Thế giới trước khi trẻ con ra đời**

câu hỏi.

GV quan sát, giúp đỡ HS, gợi mở cho học sinh khi cần giải quyết vấn đề.

### **Bước 3: Báo cáo thảo luận**

GV gọi HS đại diện nhóm 1 trả lời cho câu 1; nhóm 2 trả lời câu hỏi 2.

GV gọi HS nhóm 3 nhận xét bổ sung nội dung câu trả lời của nhóm 1, nhóm 6 nhận xét, bổ sung nội dung câu trả lời nhóm 2.

### **Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương, chốt kiến thức.

GV ghi nội dung chính lên bảng (HS có thể chủ động ghi nội vào vở viết)

### **Nhiệm vụ 3**

#### **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV1:** Trong bài thơ, món quà tình cảm nào mà chỉ có mẹ mới đem đến được cho trẻ?

**GV2:** Bà đã kể cho trẻ nghe những câu chuyện nào? Điều bà muốn gửi gắm trong những câu chuyện đó là gì?

**GV3:** Bố và bà có yêu thương bé như mẹ yêu thương bé không? Mỗi thành viên trong gia đình cho trẻ những điều khác nhau. Từ đây, em rút ra được điều gì?

#### **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV vận dụng phương pháp khăn trải bàn: HS được chia thành 6 nhóm với 3 câu hỏi trên.

Nhóm 1, 2 (câu hỏi 1), nhóm 3, 4 (câu hỏi 2), nhóm 5, 6 (câu hỏi 3)

GV cho HS thảo luận khoảng 7->8 phút. Mỗi nhóm cử 1 bạn đại diện để tổng hợp ý kiến (tìm câu chủ đề) các thành viên còn lại trong

→Trời được sinh ra đầu tiên. Thế giới lúc này chưa có gì cả, chưa có cây cối, ánh sáng, màu sắc. Tất cả mới chỉ là một màu đen.

#### **b. Thế giới sau khi xuất hiện của trẻ em đã có thay đổi**

+ Thiên nhiên: Mặt trời bắt đầu nhô cao; ánh sáng xuất hiện; bắt đầu có màu sắc và sự sống của muôn loài.

+ Màu sắc: màu xanh của cỏ cây, màu đỏ của hoa.

+ Loài vật: chim hót

+ Sự vật: gió, sông, biển, đám mây, con đường

→Ý nghĩa: Thế giới đã có sự thay đổi khi trẻ em xuất hiện. Từ tối tăm sang có ánh sáng. Điều này cho thấy ý nghĩa to lớn của trẻ em đối với thế giới, trẻ em là trung tâm của thế giới, là tương lai của thế giới.

#### **c. Vai trò xuất hiện các thành viên trong gia đình đối với trẻ em**

nhóm tìm ý để ghi vào ô của mình.

GV quan sát học sinh thực hiện, hướng dẫn, có thể gợi mở giúp đỡ học sinh để giải quyết tốt nội dung yêu cầu.

### **Bước 3: Báo cáo thảo luận**

GV cho các nhóm lên bảng treo kết quả trước lớp để các thành viên trong lớp theo dõi.

Đại diện nhóm 1 trả lời câu hỏi 1

*(GV cho nhóm 2 nhận xét nhóm 1 có thể bổ sung câu trả lời của nhóm bạn)*

Đại diện nhóm 3 trả lời câu hỏi 2

*(GV cho nhóm 3 nhận xét nhóm 2 có thể bổ sung câu trả lời của nhóm bạn)*

Đại diện nhóm 5 trả lời câu hỏi 3

*(GV cho nhóm 6 nhận xét nhóm 3 có thể bổ sung câu trả lời của nhóm bạn)*

### **Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

GV sử dụng phiếu học tập để đánh giá.

GV ghi nội dung chính lên bảng. (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân vào vở viết)

→ Món quà tình cảm chỉ mẹ mới có thể đem đến được cho trẻ đó là tình yêu và lời ru.

+ Tình yêu: bé bỏng chăm sóc.

+ Lời ru: những lời ru quen thuộc, gắn liền không gian sinh hoạt văn hóa truyền thống của người Việt (đã xuất hiện nhiều trong văn học dân gian như truyện cổ tích, ca dao, v.v...):

→ Những câu chuyện bà kể cho trẻ và những điều bà muốn gửi gắm:

+ Chuyện bà kể cho trẻ là chuyện ngày xưa, ngày sau.

*Chuyện ngày xưa* là chuyện cổ: con cóc, nàng tiên, cô Tấm, Lý Thông, v.v...

*Chuyện ngày sau*: này là trong đối sánh với ngày xưa, nó có thể vẫn là những câu chuyện cổ hoặc là chuyện mà với một người nhiều tuổi, có nhiều trải nghiệm như bà có thể đoán định được.

+ Điều bà muốn gửi gắm qua câu chuyện: *Chuyện cô Tấm ở hiền/ Thằng Lý Thông ở ác* -> Cách gọi: “cô” Tấm, “thằng” Lý Thông => Cách gọi thể hiện thái độ, mang tính chất nhận xét. Sống có đạo lý, ở hiền gặp lành, được mọi người quý mến, ở ác gặp ác, bị mọi người khinh ghét. Những câu chuyện cổ tích đó là suối nguồn trong trẻ nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn trẻ thơ.

→ Mỗi thành viên trong gia đình đều yêu thương, quan tâm đến trẻ. Nhưng mỗi người lại có cách thể hiện tình yêu và vai trò riêng đối với trẻ.

→ Tóm lại: Những hình ảnh thân thương, bình dị nhưng đã mang đến cho trẻ thơ những bài học về đạo đức, tri thức, nuôi

#### Nhiệm vụ 4

##### Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

**GV1:** Bài thơ Chuyện cổ tích về loài người được làm theo thể thơ mấy chữ? Số tiếng, số dòng trong bài thơ là gì?

**GV2:** Vận thơ và nhịp thơ được tác giả khắc họa như thế nào? Theo em phương thức biểu đạt chính trong bài thơ là gì?

##### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Câu hỏi 1 GV cho HS làm việc cá nhân (hỏi – đáp), yêu tiên cho HS dơ tay phát biểu ý kiến.

Câu hỏi 2: GV cho lớp làm việc theo cặp đôi (thời gian khoảng từ 3 -> 4 phút).

GV đi hỗ trợ học sinh nếu các em yêu cầu.

##### Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi đại diện của 3 bàn ở dãy 1 trả lời câu hỏi 1

GV gọi HS bất kì trong dãy 1 nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

GV gọi đại diện của 3 bàn ở dãy 2 trả lời câu hỏi 2

GV gọi HS bất kì trong dãy 2 nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

##### Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

GV ghi nội chính lên bảng (HS có thể tự ghi bằng ý hiểu của bản thân).

#### Nhiệm vụ 5

##### Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

**GV:** *Chuyện cổ tích về loài người* mang tới những câu chuyện tưởng tượng về sự xuất hiện của loài người trong vũ trụ. Chính điều đó giúp em hiểu như thế nào về thế giới loài người?

##### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân.

dưỡng những ước mơ đẹp, v.v... giúp trẻ được trưởng thành theo năm tháng.

#### 4. Tổng kết văn bản

##### 4.1. Nghệ thuật

→ Bài thơ làm theo thể thơ 5 chữ

+ Số tiếng, số dòng: Mỗi dòng thơ có năm tiếng, các dòng được sắp xếp theo khổ và không giới hạn số lượng dòng trong một bài thơ.

→ Vận: Sử dụng vận chân ở hầu hết các dòng thơ (*Từ cánh cò rất trắng/ Từ vị gừng rất đắng/ [...] / Từ bãi sông cát vắng*);

+ Nhịp: Mỗi dòng đều được ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3 . Tạo âm điệu nhịp nhàng như thủ thi, tâm tình, gần gũi với trẻ em:

*Trời sinh ra/trước nhất; Chỉ toàn là/ trẻ con[...]Màu xanh/ bắt đầu cỏ;Màu xanh/ bắt đầu cây*

→ Phương thức biểu đạt chính: Tự sự kết hợp trữ tình, biểu cảm có yếu tố mang màu sắc hoang đường, kỳ ảo.

##### 4.2. Nội dung văn bản



<p>GV sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, nêu tình huống có vấn đề.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</b></p> <p>GV gọi 2 -&gt; 3 HS trả lời câu hỏi</p> <p>GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b></p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.</p> <p>GV ghi nội chính lên bảng (HS có thể tự ghi bằng ý hiểu của bản thân).</p>	<p>→ <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> là một bài thơ với sự tưởng tượng hư cấu về nguồn gốc của loài người hướng con người chú ý đến trẻ em. Bài thơ tràn đầy tình yêu thương, trìu mến đối với con người, trẻ em. Trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ. Tất cả những gì tốt đẹp nhất đều được dành cho trẻ em. Mọi vật, mọi người sinh ra đều dành cho trẻ em, để yêu mến và giúp đỡ trẻ em.</p>
---	--

## BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ XÁC ĐỊNH LÀ MỘT BÀI THƠ

Nhóm/cá nhân: ..... Lớp 6 ....

**Yêu cầu:** Đánh giá một số căn cứ để xác định *Chuyện cổ tích về loài người* là một bài thơ.

Stt	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Có nhiều dòng thơ 4 chữ.		
2	Biện pháp tu từ điệp ngữ.		
3	Mỗi dòng thơ có năm tiếng, các dòng được sắp xếp theo khổ và không giới hạn số lượng dòng trong một bài.		
4	Chủ yếu sử dụng vần chân.		
5	Nhịp thơ 3/2 hoặc 2/3		
7	Nhịp thơ chủ yếu 2/2		
8	Âm điệu nhịp nhàng như tâm tình, thủ thỉ.		
9	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự kết hợp trữ tình, biểu cảm có yếu tố mang màu sắc hoang đường, kỳ ảo.		

Ghi chú: Đánh dấu **X** vào ô **xuất hiện** hoặc **không xuất hiện** sao cho hợp lý trong văn bản.

### 3. Hoạt động 3: Luyện tập

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại nội dung văn bản và có kỹ năng kể lại truyện thơ.

**b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp trò chơi, thi kể lại theo văn bản thơ.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả bài kể của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV tổ chức cho HS thi kể lại văn bản thơ vừa được học.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> GV cho HS làm việc cá nhân (thời gian từ 3 -&gt; 4 phút để HS chuẩn bị bài kể theo văn bản)</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b> GV cho HS tự giác với tinh thần xung phong, trò chơi tia chớp, khuyến khích HS có giọng văn kể lôi cuốn, hấp dẫn và sáng tạo khi kể chuyện. GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung kiến thức cho bạn (nếu có).</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b> GV nhận xét, đánh giá tinh thần xung phong của học sinh. GV tuyên dương những học sinh tích cực, khích lệ các em còn chậm cần tự tin, mạnh dạn hơn.</p>	<p><b>III. Luyện tập</b></p> <p>- HS có kĩ năng kể lại truyện thơ (Cần phải tự tin khi kể, có 1 giọng văn lôi cuốn, hấp dẫn và sáng tạo khi kể chuyện).</p>

#### 4. Hoạt động 4: Vận dụng

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để viết một đoạn văn biểu cảm ngắn kết nối với đọc.

**b. Nội dung:** GV sử dụng trình bày, thuyết trình, làm việc cá nhân (bài viết của học sinh)

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn theo yêu cầu để đánh giá hoạt động học của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV cho HS viết đoạn văn (<i>khoảng 5-&gt;7 câu hoặc tối đa 10 câu</i>) thể hiện cảm xúc của em về một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ <i>Chuyện cổ tích về loài người</i>.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> HS suy nghĩ và thực hiện viết đoạn văn thời gian khoảng từ 6 -&gt; 7 phút. (làm việc cá nhân) GV có thể gợi ý để lựa chọn một trong các đoạn thơ để viết đoạn văn: - Đoạn thơ nói về sự thay đổi của thế giới khi trẻ em xuất hiện.</p>	

- Đoạn thơ thể hiện tình yêu thương, chăm sóc của mẹ
- Đoạn thơ bà kể chuyện và những điều bà muốn nhắn gửi.
- Đoạn thơ bổ dạy cho sự hiểu biết.
- Đoạn thơ về trường lớp và thầy giáo ...

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

GV gọi 1 học sinh tổ 1 trình bày, gọi học sinh tổ 2 nhận xét, bổ sung.

Gọi 1 học sinh tổ 4 trình bày, gọi 1 học sinh tổ 3 nhận xét, bổ sung.

GV yêu cầu học sinh nhận xét cả hình thức và nội dung đoạn văn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá trên hai tiêu chí

**Đoạn văn tham khảo:** Đoạn thơ bổ dạy cho sự hiểu biết

Xã hội phát triển hơn, trẻ em bắt đầu trưởng thành hơn, bố chính là người dạy cho trẻ những hiểu biết về cuộc sống. Không giống như bà đem đến những câu chuyện cổ tích về bài học đạo đức. Hay mẹ dành tình yêu bằng sự chăm sóc trong cuộc sống hàng ngày. Thì bố là người giúp trẻ em biết suy nghĩ và ngoan ngoãn hơn. Nhờ sự dạy dỗ của bố mà trẻ em trở nên trưởng thành hơn. Bố còn là người dạy cho trẻ biết khám phá những điều mới mẻ trong cuộc sống: đâu là mặt bể, đâu là con đường, núi như thế nào? và trái đất ra sao?... Nhờ có sự dạy dỗ của bố mà trẻ con có thêm được những kiến thức thật bổ ích.

Như vậy, đoạn thơ đã giúp người đọc hiểu hơn về vai trò của bố với một đứa trẻ.

**BẢNG RUBRIC ĐÁNH GIÁ VIẾT ĐOẠN VĂN**

Nhóm/ cá nhân: ..... Lớp 6 .....

Tiêu chí		Phân chấm điểm				
		CD 1 đ	TB 2 đ	Khá 3 đ	Tốt 4 đ	XS 5 đ
<b>Hình thức</b> <i>10 điểm</i>	Đoạn văn ngắn gọn khoảng 5 -7 câu, Các câu văn có sự liên kết chặt chẽ, Lời văn trong sáng, trôi chảy (5 điểm)					
	Có thể trình bày theo tổng -phân-hợp (Hoặc theo cách riêng của HS) (5 điểm)					
<b>Nội dung</b> <i>20 điểm</i>	Nội dung một đoạn thơ trong bài thơ <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> . (10 điểm)					
	- Hướng đến đối tượng cụ thể, có trong đoạn thơ. - Giàu biểu cảm, cảm xúc chân					

thành. (10 điểm)					
------------------	--	--	--	--	--

**Dặn học sinh học bài ở nhà:** Xem lại bài đã học và soạn bài: **Thực hành tiếng Việt**

**TIẾT PPCT: 20**

## THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

### I. Mục tiêu

#### 1. Năng lực

##### 1.1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được nghĩa của từ, phân tích vẻ đẹp ngôn ngữ thơ. Cảm nhận một số nét đặc trưng của ngôn ngữ trong tác phẩm thơ.
- Nhận diện và phân tích tác dụng của một số phép tu từ từ vựng (so sánh, nhân hóa, điệp ngữ).
- Xác định được và phân tích hiệu quả một số phép tu từ từ vựng (so sánh, nhân hóa, điệp ngữ) và nghĩa của từ.

**1.2. Năng lực chung** (Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo): Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của HS biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc

**2. Phẩm chất:** Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản. Có tình yêu và niềm tự hào về ngôn ngữ mẹ đẻ tiếng Việt.

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Máy tính, giấy A3, KHBD, phiếu bài tập, phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

**2. Chuẩn bị của HS:** Sách giáo khoa, SBT Ngữ văn 6 tập một. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi...

### III. Tiến trình dạy học

#### 1. Hoạt động 1. Xác định vấn đề

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế tiếp nhận bài học mới để khắc sâu chủ đề của bài học.

**b. Nội dung:** Học sinh chia sẻ kiến thức, hiểu biết của mình về vấn đề GV đưa ra. GV sử dụng hương đàm thoại, vấn đáp

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng, hợp lý, logic của HS qua các câu trả lời.

#### d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV: Khi đọc một bài thơ, em thấy ngôn ngữ trong thơ có gì khác so với ngôn ngữ đời thường? Cho một ví dụ?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> HS suy nghĩ độc lập trong khoảng 1 -&gt; 2</p>	

phút. HS có thể ghi ý trả lời ra phiếu học tập. GV chiếu lên một bài đọc mẫu (hoặc GV đọc mẫu) về bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*.

GV sử dụng hương đàm thoại, vấn đáp, gợi mở, giải quyết vấn đề.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

GV gọi 2 -> 3 học sinh trả lời (HS có thể trả lời bằng cách thuyết trình hoặc bằng phiếu học tập).

GV yêu cầu học sinh cho một ví dụ để minh họa.

GV gọi 2 -> 3 học sinh khác nhận xét, bổ sung kiến thức cho bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, tuyên dương học sinh có câu trả lời phù hợp, thuyết phục.

*(GV ghi tên bài học lên bảng)*

- HS có kỹ năng thuyết trình trong khi trả lời câu hỏi

**Giới thiệu bài mới:** Thơ là một thể loại văn học nên ngôn ngữ thơ cũng sẽ có những chất lọc và trau chuốt hơn so với ngôn ngữ đời thường. Vì thế ngôn ngữ thơ cũng sử dụng đa dạng các biện pháp nghệ thuật, trong đó biện pháp tu từ đóng vai trò quan trọng tạo nên giá trị của thơ. Để tìm hiểu sâu hơn về ngôn ngữ thơ và các biện pháp tu từ, chúng ta cùng đi vào bài học: **Thực hành tiếng Việt** ngày hôm nay.

**2. Hoạt động 2: Giải quyết vấn đề**

**a. Mục tiêu**

- Nhận biết được nghĩa của từ, phân tích vẻ đẹp ngôn ngữ thơ. Cảm nhận một số nét đặc trưng của ngôn ngữ trong tác phẩm thơ.

- Nhận diện và phân tích tác dụng của một số phép tu từ từ vựng (so sánh, nhân hóa, điệp ngữ).

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, đàm thoại, gợi mở, dạy học hợp tác, trực quan, giải quyết tình huống có vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Kết quả bài tập của học sinh; dùng phiếu giá tinh thần hoạt động thảo luận nhóm để đánh giá hoạt động học của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Nhiệm vụ 1</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>GV cho HS lần lượt đọc 3 bài tập (bài tập 3, 4, 5) SGK trang 44.</p> <p>GV cho HS giải 3 bài tập SGK.</p> <p><b>Bt3:</b> Hãy chỉ ra những dòng thơ có sử dụng biện pháp tu từ so sánh? Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh đó trong việc thể hiện nội dung khổ thơ?</p> <p><b>Bt4:</b> Nhà thơ sử dụng biện pháp tu từ gì</p>	<p><b>1. Biện pháp tu từ</b></p> <p><b>Bài tập 3 (SGK trang 44)</b></p>

trong câu thơ *Những làn gió thơ ngây?* Nêu tác dụng của biện pháp tu từ ấy?

**B t5:** Hãy ghi lại những câu thơ sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ và nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ đó trong đoạn thơ từ *Nhưng còn cần cho trẻ đến Từ bãi sông cát vắng.*

### **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** cho HS lần lượt đọc 3 bài tập (bài tập 3, 4, 5) SGK trang 44.

**GV** yêu cầu HS đọc lại khổ thơ thứ 2 và đọc lại đoạn thơ từ *Nhưng còn cần cho trẻ đến Từ bãi sông cát vắng* trong văn bản *Chuyện cổ tích về loài người.*

**GV** chia lớp 6 nhóm, làm trên giấy khổ A3

Nhóm 1, 2 Bt 3

Nhóm 3, 4 Bt 4

Nhóm 5, 6 Bt 5

**GV** cho HS suy nghĩ, thảo luận thời gian từ 6 -> 7 phút.

**GV** sử dụng phương pháp dạy học hợp tác.

**GV** có thể đi hỗ trợ cho HS các nhóm khi có yêu cầu.

### **Bước 3: Báo cáo thảo luận**

**GV** gọi 1 HS đại diện nhóm 2 lên bảng trình bày kết quả thảo luận Bt 3.

**GV** gọi 1 HS đại diện nhóm 4 lên bảng trình bày kết quả thảo luận Bt 4.

**GV** gọi 1 HS đại diện nhóm 6 lên bảng trình bày kết quả thảo luận Bt 5.

**GV** gọi 1 HS đại diện nhóm 3 nhận xét kết quả của nhóm 2 (có thể bổ sung cho nhóm)

**GV** gọi 1 HS đại diện nhóm 5 nhận xét kết quả của nhóm 4 (có thể bổ sung cho nhóm)

**GV** gọi 1 HS đại diện nhóm 1 nhận xét kết quả của nhóm 6 (có thể bổ sung cho nhóm)

**GV** sử dụng phương pháp đàm thoại, gợi mở để hỗ trợ cho HS đạt kết quả tốt.

### **Bước 4: Kết luận, nhận định**

**GV** nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. (HS có thể tự chốt nội dung theo ý hiểu của bản thân ghi vào vở viết).

→ Những câu thơ có sử dụng biện pháp tu từ so sánh: *Cây cao bằng gang tay / Lá cỏ bằng sợi tóc / Cái hoa bằng cái cúc / Tiếng hót trong bằng nước / Tiếng hót cao bằng mây.*

→ *Cây, lá cỏ, cái hoa, tiếng hót* (vế A) được so sánh với: *gang tay, sợi tóc, cái cúc, nước, mây* (vế B).

→ Tác dụng: Hình ảnh thiên nhiên (vế A) được so sánh với những hình ảnh nhỏ, xinh, gần với thế giới con người (vế B). Tiếng hót của chim, âm thanh được so sánh với nước, mây trời làm tăng tác dụng biểu đạt cho sự trong trẻo, cao vút của tiếng chim, thiên nhiên như nhỏ lại, gần gũi và thật dễ thương trong đôi mắt trẻ thơ.

### **Bài tập 4 (SGK trang 44)**

→ Biện pháp tu từ: **nhân hóa**

→ Tác dụng:

+ *Thơ ngây* là một tính từ thường dùng để

## Nhiệm vụ 2

### Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

**GV1:** Qua phần đọc hiểu tri thức Ngữ văn và thực hành làm bài tập em hiểu thế nào là so sánh, nhân hóa? Nêu tác dụng của so sánh và nhân hóa.

**GV2:** Chúng ta đã thực hành làm bài tập 5 và được tìm hiểu ở bậc Tiểu học. Vậy em hiểu thế nào là điệp ngữ và nêu tác dụng?

### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc theo cặp đôi, trao đổi chia sẻ nội dung yêu cầu, sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề.

### Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 vài HS trả lời các khái niệm về phép tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ..

GV gọi 1 vài HS lên nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

### Bước 4: Kết luận, nhận định

GV chốt lại kiến thức ghi lên bảng (HS có thể tự chọn lọc nội dung để ghi vào vở viết bài).

nói về đặc điểm của con người, đặc biệt là trẻ em để nói về gió

+ Tác dụng: Khiến làn gió trở nên gần gũi như con người, có nét hồn nhiên, đáng yêu như trẻ thơ.

### Bài tập 5 SGK trang 44

→Điệp ngữ trong các đoạn thơ là các từ ngữ: “rất”; “Từ cái...”; “Từ...”

→Tác dụng: Được lặp lại nhằm mục đích liệt kê những hình ảnh phong phú trong lời ru của mẹ, nhấn mạnh vẻ đẹp của những hình ảnh ấy.

+ “rất” Nhấn mạnh mức độ, tính chất của các sự vật có trong lời ru của mẹ.

+ “Từ cái...”; “Từ...” liệt kê lần lượt những hình ảnh phong phú trong lời ru của mẹ: Là những hình ảnh nổi bật trong kho tàng văn hóa dân tộc.

### 2. Khái niệm biện pháp tu từ: So sánh, nhân hóa, điệp ngữ

→So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

→Nhân hóa là phép tu từ gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, v.v... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người. Nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt.

→Điệp ngữ là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu) để làm nổi bật ý

### Nhiệm vụ 3

#### Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS lần lượt đọc 2 bài tập (bài tập 1, 2) SGK trang 43, 44.

GV cho HS giải 2 bài tập SGK.

**Bt1:** Giải thích nghĩa của từ *nhô*. Trong đoạn thơ có thể dùng từ *lên* để thay thế cho từ *nhô* được không? Hãy chỉ ra sự tinh tế của nhà thơ trong việc sử dụng từ *nhô*?

**Bt2:** Trong bài thơ có các từ như *trụi trần, bé bỏng* ... . Trong tiếng Việt cũng có những từ như: *trần trụi, bé bỏng*, ... Em hãy tìm thêm trong và ngoài văn bản những từ có thể đảo trật tự các thành tố để có từ khác đồng nghĩa.

#### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS lần lượt đọc 2 bài tập (bài tập 1, 2) SGK trang 43, 44.

GV tổ chức trò chơi: Chia lớp thành 4 đội, suy nghĩ và làm bài tập (thời gian từ 6 -> 7 phút).

**Đội 1** thi cùng **đội 2** thực hiện Bt1. Trong 6 phút đội nào xong trước với đáp án đúng nhất hoặc gần đúng nhất sẽ chiến thắng.

**Đội 3** thi cùng **đội 4** thực hiện Bt2. Trong 6 phút đội nào xong trước và tìm được nhiều từ đúng sẽ chiến thắng.

GV làm trọng tài và phát phần thưởng là một cây bút bi, quyển vở cho đội dành được chiến thắng.

#### Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV phát lệnh, cho HS xung phong trả lời sau tiếng hô đếm ngược 3.2.1 để lấy vị thứ trình bày.

GV gọi lần lượt cho HS đại diện các đội lên trình bày theo thứ tự.

GV gọi 1 đại diện của đội về sau để nhận xét, bổ sung kiến thức của đội trước.

#### Bước 4: Kết luận, nhận định

muốn nhấn mạnh.

=>Điệp ngữ có các dạng: Điệp ngữ nối tiếp; điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng); điệp ngữ cách quãng.

### 2. Nghĩa của từ

#### Bài tập 1 (SGK trang 43, 44)

a. Nghĩa của từ *nhô*

- *nhô* (đt): đưa phần đầu cho vượt hẳn lên phía trên hoặc ra phía trước so với những cái xung quanh.

- “mặt trời *nhô* cao” nghĩa là mặt trời chuyển động lên cao trên bầu trời và có phần đột ngột, vượt lên so với sự vật xung quanh như núi non, cây cối.



<p>GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. (HS có thể tự chọn lọc nội dung để ghi vào vở viết bài).</p> <p>GV tuyên dương tinh thần xung phong của HS, phát phần thưởng.</p>	<p>b. Từ “lên” không thể thay thế cho từ “<i>nhô</i>” vì từ <i>lên</i> chỉ có nghĩa là chuyển đến 1 vị trí cao hơn.</p> <p>- Từ <i>Nhô</i> có tính biểu cảm, gọi lên vẻ tinh nghịch, đáng yêu của hình ảnh mặt trời, phù hợp với cách nhìn, cách cảm của trẻ thơ.</p> <p><b>Bài tập 2 (SGK trang 44)</b></p> <p>- Những từ trong văn bản: màu sắc, khao khát, thơ ngây, bé bỏng, mênh mông...</p> <p>- Những từ ngoài văn bản: quần áo, thầy cô, cha mẹ, bạn bè, yêu dấu...</p>
---	---

### 3. Hoạt động 3. Luyện tập

**a. Mục tiêu:** Viết được đoạn văn có sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân. Phương pháp gợi mở, thuyết trình.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm luyện tập, vận dụng của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV: Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 → 7 câu) trong đó có sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa với nội dung tự chọn và chỉ ra những biện pháp tu từ đó.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> GV cho HS làm việc cá nhân, làm vào vở ghi. GV theo dõi quá trình làm bài của học sinh, bao quát lớp, hỗ trợ những HS khó khăn trong học tập, chưa mạnh dạn...</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b> GV gọi 1 → 2 HS trình bày đoạn văn và xác định rõ các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa đã sử dụng trong đoạn văn đó.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, đánh giá</b> GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức nội dung yêu cầu.</p>	<p><b>3. Luyện tập</b></p> <p>- HS có kĩ năng sử dụng từ ngữ, sử dụng các biện pháp tu từ đúng ngữ cảnh.</p> <p><b>Đoạn văn tham khảo:</b> Bầu trời buổi sáng sớm thật trong lành làm sao. Những cô mây dậy thật sớm, dạo chơi trên những đồi núi cao đàng xa. Các bé sương tinh nghịch đang nhảy nhót trên những chiếc lá non. Ông mặt trời như lòng đỏ trứng gà được đặt trên chiếc mâm màu xanh dương. Còn chị gió thì mãi miết rong chơi và nô đùa cùng hoa lá. Từng chú chim đua nhau ca hát để đón chào một ngày mới. Tất cả hài hòa và cùng tạo nên một bức tranh thiên nhiên thật sống động.</p> <p>Nhân hóa: <i>cô mây, các bé sương, chị gió, chú chim</i></p>

	So sánh: Ông mặt trời như lòng đỏ trứng gà được đặt trên chiếc mâm màu xanh dương.
--	--

#### 4. Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục tiêu:** HS xác định được các dấu hiệu nhận biết, tác dụng của các biện pháp tu từ qua các văn bản đã học, được đọc ở các văn bản khác.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, làm việc cặp đôi chia sẻ, huy động kiến thức nền để áp dụng vào thực tiễn.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm vận dụng của học sinh để đánh giá hoạt động học thông qua bảng nhận xét làm việc nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV: Em hãy tìm 1 đoạn văn hoặc 1 đoạn thơ trong các tác phẩm văn học đã được học, được đọc trong đó có sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa hoặc điệp ngữ và nêu tác dụng của chúng.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> GV cho HS làm việc theo cặp đôi, làm việc cá nhân. GV sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề. Hỗ trợ cho HS khi cần được trợ giúp.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b> GV cho HS tinh thần xung phong, gọi 1 vài HS lên trình bày yêu cầu bài tập. GV cho HS khác nhận xét, bổ sung nội dung của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b> GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức nội dung yêu cầu. GV phát phiếu cho HS tự nhận xét tinh thần, thái độ làm việc nhóm tất cả các hoạt động trong bài học. (Đánh giá, nhận xét lưu trong hồ sơ học tập)</p>	<p>- HS có kĩ năng phát hiện một số biện pháp tu từ trong khi tìm hiểu các tác phẩm văn học khác.</p>


Phiếu tự nhận xét tinh thần, thái độ làm việc nhóm	
Họ tên.....Lớp:.....	
Tên bài học.....	
Ngày nhận xét.....	
<b>Mức độ</b>	<b>Nhận xét điều đã làm được và chưa làm được</b>

<b>Tự giác</b>	
<b>Tích cực</b>	
<b>Trung thực</b>	
<b>Trách nhiệm</b>	
<b>Hiếu bài</b>	

(GV phát phiếu cho học sinh tự đánh giá, lưu hồ sơ học tập).

**Dặn học sinh học bài ở nhà:** Xem lại bài đã học và soạn bài: **Mây và sóng** (*Ra-bin-đơ-ra-nat Ta-go*)

**PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

<b>PHÊ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN</b>	<b>GIÁO VIÊN</b>
	 <b>Đào Văn Dũng</b>